

Bản án số: 811/2020/DS-PT

Ngày: 26/8/2020

V/v tranh chấp đòi lại tài sản, yêu
cầu hủy văn bản thỏa thuận phân
chia di sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thanh Vân

2. Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ
Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản, yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 115/2020/DS-ST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3552/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 8636/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường Đ, Phường A, Quận F, TP.Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Lê Văn T, sinh năm 1993
(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 25/01/2019 tại Văn Phòng Công chứng Nguyễn Nguyệt Huệ)

Địa chỉ liên hệ: Đường N, Phường B, Quận F, TP.HCM. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn P1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Đường N, Phường C, Quận G, TP.Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông P1: Ông Nguyễn Minh P2

Địa chỉ: Đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P1: Luật sư Lưu Thị Quỳnh T. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Kim L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Đường T, Phường T, Quận F, TP.Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Lê Minh K, sinh năm 1998

Địa chỉ: Đường Đ, Phường A, Quận F, TP. Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người kháng cáo: Ông Lê Tấn P1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 20/9/2019 và ngày 26/02/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Kim C - Người đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Lê Văn T cùng trình bày:

Chị ruột của bà Lê Kim C là bà Lê Kim P (chị thứ ba) chết vào ngày 27/6/2014 để lại 02 bất động sản.

Anh ruột thứ tám của bà C là ông Lê Tấn P1 đứng ra làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế và bán chia đôi với bất động sản tọa lạc tại địa chỉ xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 303795 do UBND huyện Nhơn Trạch Đồng Nai cấp ngày 15/6/2010. Giá trị chuyển nhượng là 2.555.800.000 đồng, căn cứ vào văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 21/8/2018 thì được chia đều hợp pháp cho 03 người gồm: Bà Lê Kim L, ông Lê Tấn P1, bà Lê Kim C. Mỗi người được chia khoảng 852.000.000 đồng.

Tuy nhiên sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng bất động sản nêu trên xong thì ông P1 chỉ đưa cho bà số tiền 380.000.000 đồng. Số tiền còn lại 472.000.000 đồng, bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông P1 không đưa. Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông P1 đưa thêm cho bà 472.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết:

Yêu cầu ông Lê Tấn P1 trả cho bà Lê Kim C số tiền 472.000.000 đồng theo văn bản khai nhận và phân chia di sản thừa kế ngày 21/8/2018 do ông P1 đang chiếm giữ, buộc ông P1 trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 02/01/2020, nguyên đơn bà Lê Kim C đã nộp đơn khởi kiện bổ sung. Theo đơn, bà Lê Kim C yêu cầu: Hủy tờ ưng thuận và cam kết ngày 09/9/2018.

Tại bản tự khai đề ngày 01/11/2019, biên bản lấy lời khai 21/11/2019 và ngày 26/02/2020, biên bản hòa giải ngày 20/9/2019 và ngày 26/02/2020, bị đơn ông Lê Tấn P1 trình bày:

Ông khai nhận việc bán di sản của bà P với giá cả như trên. Về yêu cầu khởi kiện của bà C, ông có ý kiến như sau:

Ông không đồng ý đưa cho bà C 472.000.000 đồng vì các anh chị đã mất cũng được phần tiền trong số tiền bán đất của bà Lê Kim P. Ông xác nhận ông là người đứng ra chia số tiền bán đất của bà Lê Kim P cho gia đình. Ông đã gửi tất cả văn bản về cách chia cho Tòa.

Phía nguyên đơn có yêu cầu hủy Tờ ưng thuận cam kết vào ngày 09/9/2018, ông đồng ý hủy văn bản Tờ ưng thuận cam kết trên vì :

Vì ông Dương Nghĩa Đ (người viết giùm tờ ưng thuận này) viết sai ý của ông. Nếu ông không ký kết tờ ưng thuận này thì bà C sẽ không ký giấy mua bán đất cho người ta, trong khi đó ông đã vay 100.000.000 đồng để làm giấy tờ nhà đất, nếu không bán đất được thì ông P1 phải trả lãi hàng tháng nên ông ký ưng thuận nhằm để cho bà C đồng ý ký giấy mua bán đất – di sản do chị ba P để lại.

Ông đồng ý hủy văn bản Tờ ưng thuận cam kết trên vì ông muốn con cháu ông được chia và nhận phần tiền công bằng ngang nhau trong phần thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim L trình bày: Đối với tổng số tiền bán di sản của bà P thì bà không nhớ rõ, lúc nhận cọc đã cho Nguyễn Lê Minh K (con của bà C) 50.000.000 đồng, sau khi trừ đi chi phí làm giấy tờ đất, đóng thuế đất, dịch vụ môi giới mua bán đất, số tiền còn lại chia 05 phần như sau: Bà được 01 phần là 425.000.000 đồng (nhận làm 02 lần như sau: Lúc cọc nhận trước 85.000.000 đồng, lúc thanh toán nhận 340.000.000 đồng). Ông Lê Tấn P1 lấy 02 phần. Bà Lê Kim C lấy 01 phần. Cậu em thứ bảy có con nhận thế 01 phần vì ba mất. Cậu hai có con nhận thế 01 phần vì ba mất.

Về yêu cầu khởi kiện của bà C, bà có ý kiến như sau: Bà đã nhận số tiền được chia là 425.000.000 đồng. Bà đã nhận đủ, không có ý kiến tranh chấp gì với các anh chị em trong gia đình. Việc bà C kiện ông P1 thì để hai bên tự giải quyết với nhau, bà không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lê Minh K trình bày: Theo tờ ưng thuận và cam kết ngày 09/9/2018 thì ông được chia 01 phần tài sản ngang bằng với phần của bà C, ông P1 và bà L. Ông có yêu cầu được nhận số tiền còn thiếu theo thỏa thuận trên. Ông K có yêu cầu độc lập và đã nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 10/10/2019 nhưng do ông không có đủ tiền để nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa mà để cho mẹ của ông là bà C toàn quyền quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Kim C – có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung. Giá bán di sản của Phụng trên thực tế là 2.555.800.000 đồng. Chi phí khác: bà C không biết, bà chấp nhận trừ đi chi phí môi giới, hoa hồng là 50.000.000 đồng. Còn lại là: 2.505.800.000 đồng, chia làm 03 phần. Giá trị 01 phần là 835.266.666 đồng. Bà yêu cầu được chia giá trị 01 phần làm tròn chẵn là 835.000.000 đồng.

Bà đã nhận số tiền 380.000.000 đồng (bà lý giải là bà được nhận làm 02 lần: Lúc ký cọc bà nhận 80.000.000 đồng và đưa lại cho ông P1 18.500.000 đồng để chi phí làm giấy tờ thừa kế, lúc công chứng bà nhận 300.000.000 đồng).

Như vậy, số tiền còn thiếu so với 1 phần thừa kế mà bà C yêu cầu ông P1 trả cho bà là 455.000.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Tấn P1 trình bày tại phiên tòa như sau: Giá bán di sản của bà P trên thực tế là 2.555.800.000 đồng. Lúc nhận cọc 600.000.000 đồng, chia làm 06 phần. Chi phí làm giấy tờ, dịch vụ bán di sản là 100.000.000 đồng. Lúc công chứng giao nhận tiền còn lại là 1.955.000.000 đồng. Ông chia làm 06 phần. Ông đã chia cho bà C 325.000.000 đồng, chia cho Khoa: không có, chia cho bà L số tiền bằng với bà C là 325.000.000 đồng, còn lại 01 phần thờ cúng 325.000.000 đồng ông chia đều 05 phần.

Riêng người anh thứ hai tên K1 chết thì con của anh K1 nhận thế 01 phần là 325.000.000 đồng, người anh thứ bảy tên T1 chết thì con của anh T1 nhận thế 01 phần là 325.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2120/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim C.

1. Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản “Tờ ưng thuận và cam kết ngày 09/9/2018” là vô hiệu.

2. Buộc ông Lê Tấn P1 trả cho bà Lê Kim C số tiền là 455.000.000 (Bốn trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày, bị đơn - ông Lê Tấn P1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn - ông Lê Tấn P1 trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo như sau: Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2020/DSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8 chưa giải quyết thỏa đáng, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp của ông. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2020/DS-ST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không có phương án hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Tấn P1 làm trong thời hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 03 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn P1, hủy Bản án dân sự sơ thẩm 115/2020/DSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8 theo nội dung bản phát biểu tại Toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Tấn P1 làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ki Loan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguyên đơn bà Lê Kim C khởi kiện yêu cầu ông Lê Tấn P1 trả lại số tiền 455.000.000 đồng xuất phát từ việc phân chia số tiền bán di sản của bà Lê Kim P để lại là 2.555.800.000 đồng. Bà C khai nhận đã nhận số tiền 380.000.000 đồng (bà lý giải là bà được nhận làm 02 lần: Lúc ký cọc bà nhận 80.000.000 đồng và đưa lại cho ông P1 18.500.000 đồng để chi phí làm giấy tờ thừa kế, lúc công chứng bà nhận 300.000.000 đồng). Trong khi ông P1 khai đã chia cho bà C là 425.000.000 đồng (Giá bán di sản của bà P trên thực tế là 2.555.800.000 đồng. Lúc nhận cọc 600.000.000 đồng, chia làm 06 phần. Chi phí làm giấy tờ, dịch vụ bán di sản là 100.000.000 đồng. Lúc công chứng giao nhận tiền còn lại là 1.955.000.000 đồng. Ông chia làm 06 phần. Ông đã chia cho bà C 325.000.000 đồng, chia cho Khoa: không có, chia cho bà L số tiền bằng với bà C là 325.000.000 đồng, còn lại 01 phần thờ cúng 325.000.000 đồng ông chia đều 05 phần). Bà L cũng xác nhận đã được chia 01 phần là 425.000.000 đồng (nhận làm 02 lần như sau: Lúc cọc nhận trước 85.000.000 đồng, lúc thanh toán nhận 340.000.000 đồng), ông Lê Tấn P1 nhận 02 phần, bà Lê Kim C nhận 01 phần, cậu em thứ bảy có con nhận thế 01 phần vì ba mất, cậu hai có con nhận thế 01 phần vì ba mất. Như vậy, có sự mâu thuẫn trong lời khai của các bên về số tiền được chia nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất để làm rõ số tiền thực tế bà C đã nhận là bao nhiêu, để từ đó xác định số tiền ông P1 phải trả thêm cho bà C, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bà C đã nhận 380.000.000 đồng để xác định số tiền mà ông P1 phải trả lại cho bà C 455.000.000 đồng là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2] Theo văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 21/8/2018 xác định hàng thừa kế thứ 2 của bà Lê Kim P gồm: Bà Lê Kim L, ông Lê Tấn P1, bà Lê Kim

C. Bà C yêu cầu được chia làm 03 phần và bà được hưởng 01 phần là 852.000.000 đồng, tuy nhiên bà chỉ nhận được 380.000.000 đồng. Ông P1 trình bày việc phân chia số tiền từ việc bán di sản của bà P được chia làm 06 phần, trong đó có 02 phần chia cho con của ông K1 và con của ông T1 (là anh em ruột với bà Lê Kim P nhưng chết trước bà P). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ là giấy chứng tử, các chứng cứ liên quan để xác định xác định thời điểm chết của ông K1 và ông T1 để từ đó xác định có thừa kế chuyển tiếp hay không là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông P1, bà L trình bày việc không chia đủ tiền cho bà C là do chia làm 06 phần, trong có chia cho 02 người con của ông K1 và ông T1 mỗi người 01 phần theo các văn bản phân chia di sản. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa 02 người con của ông K1, ông T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ vấn đề chia và nhận tiền từ di sản mà bà P để lại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn P1, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Lê Tấn P1.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 115/2020/DS-ST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án thụ lý số 334/TLPT-DS ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho ông Lê Tấn P1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số ngày của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Loan